TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ P** **TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2022
Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thu Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Thế Phương
2. Ông Đinh Công Trường

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P:*** Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 331/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2021 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXX-ST ngày 22/02/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST – HNGĐ ngày 11/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị T, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố S, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Phát Đ, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố S, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Mai Thị T trình bày:

Bà T xây dựng gia đình với ông Trần Phát Đ vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang vào ngày 14/3/2016.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông Đ không quan tâm vợ con, thường xuyên chơi cá độ bóng đá gây ra nợ nần, bà T đã nhiều lần khuyên bảo ông Đ từ bỏ cá độ bóng đá, chăm lo làm ăn nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2021 đến nay bà T và Đ đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau.

Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà T và ông Đ có 02 con chung là Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 07/9/2016 và Trần Ngọc Bảo H, sinh ngày 26/4/2020. Hiện nay các cháu đang sống với bà, bà T xác định từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay ông Đ ít khi lui tới thăm các con, lâu lâu có mua sữa cho con nhưng không chu cấp tiền để bà nuôi con.

Nay bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống Đ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Trần Phát Đ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông Đ không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T đối với ông Trần Phát Đ.

Về án phí: Bà T đóng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, quan hệ pháp luật vụ án là: Tranh chấp ly hôn và nuôi con; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P.

Ông Trần Phát Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có đủ cơ sở để xác định: Bà Mai Thị T và ông Trần Phát Đ tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của vợ chồng bà T, ông Đ: Bà T xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông Đ không quan tâm vợ con, thường xuyên chơi cá độ bóng đá gây ra nợ nần, bà T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nhận thấy vợ chồng không hạnh phúc khi chung sống nên bà T đã sống ly thân với ông Đ từ đầu năm 2021 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đã được triệu tập để tham gia phiên hòa giải, để giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do và cũng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà T đối với ông Đ.

Về con chung: Bà T và ông Đ có 02 con chung là Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 07/9/2016 và Trần Ngọc Bảo H, sinh ngày 26/4/2020, hiện nay các cháu đang sống với bà T. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét nguyện vọng nuôi con của bà T thấy: Từ khi bà T và ông Đ sống ly thân, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, quá trình nuôi dưỡng bà luôn đảm bảo cho các cháu có cuộc sống tốt cụ thể các cháu đang phát triển bình thường về mọi mặt, được đi học ổn định. Đối với ông Đ có liên hệ thăm con nhưng không cấp dưỡng nuôi con điều này chứng tỏ ông Đ không có trách nhiệm với các con chung. Do đó, để đảm bảo cháu N và cháu H có được sự chăm sóc tốt nhất để phát triển bình thường về thể chất và tinh thần cần giao cháu N và cháu H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Mai Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T đối với ông Trần Phát Đ về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị T được ly hôn với ông Trần Phát Đ.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Phát Đ giao cháu Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 07/9/2016 và Trần Ngọc Bảo H, sinh ngày 26/4/2020 cho bà Mai Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Trần Phát Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Phát Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Mai Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005519 ngày 19/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Mai Thị T đã nộp đủ án phí.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- UBND thị trấn K, H. K, T. Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thu Hiền